

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:04/2025/DS -ST
Ngày: 28-7-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Phương Hạnh

Bà Nguyễn Thị Thọ

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Lê Anh Thơ – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Như Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 48/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 06/2025/TB-TA ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam)

Địa chỉ: Số I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp:

+ Ông Lê Yun H– Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt)

+ Ông Trần La Ngọc H1 – Chức vụ: Trưởng Phòng tổ tụng (Vắng mặt)

+ Công ty L1

Địa chỉ: B L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh Người đại diện theo pháp luật: Ông Cồ Lê H2 – Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Bá L, sinh năm 2002.

Địa chỉ: B L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Là đại diện ủy quyền theo Quyết định số 162/2024/QĐ-MAFC ngày 02-4-2024; Hợp đồng ủy quyền số 09/2024/GUQ-MAFC ngày 02-5-2024 ; Giấy ủy quyền số 309/GUQ-2024 ngày 31-10-2024

Bị đơn: Bà Phan Thị Thu T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ G, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-01-2025 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 10-5-2022, Công ty T1 (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty T1) và bà Phan Thị Thu T có ký kết Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3139799 với số tiền vay 31.980.000 đồng; mục đích vay mua hàng; lãi suất là 44%/ năm; lãi suất quá hạn 150% x lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi chậm trả 10%/năm, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày 10-6-2022 đến ngày 10-5-2024.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 đã giải ngân toàn bộ số tiền cho bà Phan Thị Thu T vào ngày ngày 11-5-2022 vào số tài khoản 0081001312623 của bà T tại Ngân hàng TMCP N (VCB). Bà T đã thanh toán được được 09 kỳ với tổng số tiền: 18.332.313 đồng, trong đó tiền gốc là 8.903.542 đồng, lãi trong hạn là 9.356.771 đồng, phí thu hộ là 72.000 đồng. Đến ngày 11-5-2023, bà Phan Thị Thu T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng với Công ty T1 và **Công ty đã chuyển nợ quá hạn khoản vay nêu trên.**

Nay, Công ty T1 khởi kiện bà Phan Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà Phan Thị Thu T thanh toán cho Công ty T1 tổng số tiền còn nợ là 58.390.750 đồng, trong đó nợ gốc là 23.076.458 đồng, lãi trong hạn là 7.265.132 đồng; lãi quá hạn là 26.615.216 đồng; lãi chậm trả là 1.433.944 đồng.

Ngoài ra, bà Phan Thị Thu T còn phải chịu lãi, phí phạt phát sinh kể từ ngày 29-7-2025 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho nguyên đơn.

Bị đơn bà Phan Thị Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về quan hệ tranh chấp: Công ty T1 khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Thu T hoàn trả tiền nợ theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đề ngày 10-5-2022, mục đích vay mua hàng nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại **khoản 3 Điều 26 Bộ** luật tố tụng dân sự.

[2.] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: **Bị đơn bà Phan Thị Thu T** có nơi cư trú tại **phường B, Thành phố Hồ Chí Minh** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh theo Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[3.] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị **đơn bà Phan Thị Thu T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.] Về nội dung:

[4.1.] Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng **số 3139799 đề ngày 10-5-2022** giữa Công ty T1 và bà Phan Thị Thu T được ký trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp theo quy định, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.2.] Căn cứ Điều 10 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3139799 đề ngày 10-5-2022 thì hợp đồng tín dụng được xem là đã giao kết và có hiệu lực kể từ ngày khách hàng ký vào hợp đồng và công ty chấp nhận đề nghị vay vốn bằng việc giải ngân số tiền vay theo như quy định tại hợp đồng tín dụng.

Tại Điều 3, Điều 8 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng **số 3139799 đề ngày 10-5-2022** nêu trên quy định thời hạn cho vay, số tiền trả hàng tháng, ngày thanh toán hàng tháng, lãi suất cho vay; lãi quá hạn, lãi chậm trả. Thỏa thuận nêu trên là phù hợp với quy định của Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4.3.] Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã được giải ngân toàn bộ số tiền vay vào ngày 10-5- 2022 vào số tài khoản 0081001312623 của bà T tại Ngân hàng TMCP N (VCB).

Bà Phan Thị Thu T mới chỉ mới chỉ thanh toán cho Công ty T1 09 kỳ với tổng số tiền: 18.332.313 đồng, trong đó tiền gốc là 8.903.542 đồng, lãi trong hạn là 9.356.771 đồng, phí thu hộ là 72.000 đồng.

Đến ngày 11-5-2023, bà Phan Thị Thu T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng với Công ty T1 và Công ty đã chuyển nợ quá hạn khoản vay nêu trên.

Tính đến ngày 28-7-2025, bà Phan Thị Thu T còn nợ Công ty T1 tổng số tiền là 58.390.750 đồng, trong đó nợ gốc là 23.076.458 đồng, lãi trong hạn là 7.265.132 đồng; lãi quá hạn là 26.615.216 đồng; lãi chậm trả là 1.433.944 đồng.

Căn cứ Khoản 3.3, 3.6 Điều 3; Khoản 8.3 Điều 8 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3139799 đề ngày 10-5-2022; Điều 5 Bản điều khoản và điều kiện cho vay của Công ty T1 thì bà Phan Thị Thu T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty T1 đã tính lãi trong hạn, quá hạn, chậm trả là có căn cứ, đúng theo hợp đồng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 về việc buộc bà Phan Thị Thu T **phải trả cho Công ty T1 tổng số nợ gốc, lãi là 58.390.750 đồng** và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

Bà Phan Thị Thu T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29-7-2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho Công ty T1.

[5.] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5.2] Bà Phan Thị Thu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.919.538 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Các Điều 117; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) Điều 100, Điều 103 Luật tổ chức tín dụng năm 2024.

- Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam) về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc bà Phan Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 (Việt Nam) tổng số tiền là tổng số tiền là 58.390.750đ (*Năm mươi tám triệu ba trăm chín mươi ngàn bảy trăm năm mươi*) đồng, trong đó nợ gốc là 23.076.458đ (*Hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm năm mươi tám*) đồng, lãi trong hạn là 7.265.132đ (*bảy triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm ba mươi hai*) đồng; lãi quá hạn là 26.615.216đ (*Hai mươi sáu triệu sáu trăm mười lăm ngàn hai trăm mười sáu*) đồng; lãi chậm trả là 1.433.944đ (*Một triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn chín trăm bốn mươi bốn*) đồng.

1.2. Kể từ ngày 29-7-2025, bà Phan Thị Thu T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3139799 đề ngày 10-5-2022 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Phan Thị Thu T phải nộp 2.919.538đ (*Hai triệu chín trăm mười chín ngàn năm trăm ba mươi tám*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.033.521đ (*Một triệu không trăm ba mươi ba ngàn năm trăm hai mươi một*) đồng theo biên lai thu số 0000416 ngày 06-3-2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh (cũ là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND KV 12- TP.HCM;
- Phòng THA DS KV 12- TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Hoa

